

TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 22/2019/DS -ST

Ngày: 01/8/2019

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng
2. Bà Vũ Thị Thu Ngát

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 01/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-DS ngày 21/3/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐST-DS ngày 24/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/DSST, ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị Đ, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã NH, huyện LG, tỉnh BG.

Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn CN, xã ĐS, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Ngày 05/4/2016 (âm lịch) tức 11/5/2016 dương lịch anh P đến nhà chị vay số tiền 20.000.000 đồng mục đích mua bò để chăn nuôi, khi vay có thỏa thuận

lãi và thỏa thuận với mức 2%/tháng và hạn khi nào lấy gốc thì sẽ báo trước 1 tháng, còn lãi là phải trả theo định kỳ 1 tháng 1 lần. Ngày 20/4/2016 (âm lịch) tức 26/5/2016 (dương lịch) anh P vay tiếp 20.000.000 mục đích để xây chuồng trại chăn nuôi bò, lợn, khi vay có thỏa thuận lãi và thỏa thuận với mức 2%/tháng và hạn trả là vào ngày 20/5/2016 (âm lịch) tức ngày 24/6/2016 sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi. Ngày 24/6/2016 anh P có đưa cho chị 10.000.000 đồng và nói là trả lãi trong vòng 1 năm đến 24/6/2017. Ngày ngày 20/7/2016 anh P đưa chị thêm 200.000 đồng tiền lãi sau. Nhưng từ đó đến nay anh P, chị T không trả thêm tôi được tiền lãi và tiền gốc.

Nay chị yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Phạm Thị T phải trả chị số tiền là 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/7/2017 đến khi trả hết số nợ.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn P thể hiện: Ngày 05/4/2016 (âm lịch) tức 11/5/2016 (dương lịch) anh hỏi vay chị Đ 20.000.000 về mua bò để chăn nuôi, khi vay có thỏa thuận lãi và thỏa thuận với mức 2%/tháng và hạn khi nào lấy gốc thì sẽ báo trước 1 tháng, còn lãi là phải trả theo định kỳ 1 tháng 1 lần. Ngày 20/4/2016 (âm lịch) tức 26/5/2016 (dương lịch) anh lại lên vay tiếp 20.000.000 đồng bảo về để mua bò khi vay có thỏa thuận lãi và thỏa thuận với mức 2%/tháng và hạn trả là vào ngày 20/5/2016 (âm lịch) tức ngày 24/6/2016 sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi. Từ đó đến nay anh đã trả 12.000.000 đồng tiền gốc và trả lãi đến hết tháng 20/3/2017 (âm lịch) tức ngày 16/4/2017 (dương lịch). Sau đó kỳ chăn nuôi bị lỗ nên không có tiền trả chị Đ nữa. Nay anh xác định còn nợ chị Đ số tiền là 28.000.000 đồng tiền gốc.

Nay chị Đ yêu cầu vợ chồng anh phải trả tôi số tiền là 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày 20/7/2017 đến khi trả hết số nợ, anh không đồng ý, anh xác định còn nợ 28.000.000 gốc và tiền lãi từ ngày 16/4/2017. Anh chấp nhận trả chị Đ 45.000.000 đồng cả gốc và lãi.

Lời khai chị Phạm Thị T thể hiện: Năm 2016 gia đình chị có vay của chị Đ tổng số tiền là 40.000.000đ để mua bò phát triển kinh tế, vợ chồng chị đã trả được 12.000.000đ tiền gốc và tiền lãi đã trả đến tháng 3/2017 (âm lịch) đến nay chị Đinh yêu cầu trả gốc là 40.000.000đ chị xác định còn nợ gốc là 28.000.000đ đồng ý trả lãi theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế trình bày quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ; thủ tục thụ lý vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng

- *Nguyên đơn*: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Bộ luật tố tụng dân sự

- *Bị đơn*: Chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị T phải thanh toán cho bà Thân Thị Đ số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi là 8.715.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 38.715.000đ

Án phí: Anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị T phải chịu 1.935.750đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn P, chị Phạm Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh P, chị T.

Về nội dung: Về số tiền gốc tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 40.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về số tiền gốc Hội đồng xét xử thấy rằng do có quan hệ quen biết nên ngày 05/4/2016 (âm lịch) tức ngày 11/5/2016 (dương lịch), anh P, chị T có vay của chị Đ 20.000.000đ đến ngày 20/4/2019 (tức 26/5/2016 dương lịch) anh P tiếp tục vay 20.000.000đ, anh P chị T thừa nhận hai khoản vay này, tổng của hai khoản là 40.000.000đ.

Quá trình trả nợ, ngày 24.6.2016 (âm lịch) anh P trả 10.000.000đ, chị Đ cho rằng đây là khoản tiền lãi trong vòng một năm, anh P chị T cho rằng đây là tiền gốc, việc chị Đ cho rằng đây là khoản tiền lãi trong vòng một năm là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ, anh P, chị T chưa đến hạn nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho nên anh P chị T cho rằng đây là khoản tiền trả gốc là có căn cứ để chấp nhận do đó xác định số tiền gốc anh P, chị T còn nợ lại tiền gốc là 30.000.000đ.

Về tiền lãi: Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 468 thì lãi suất là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng.

Chị Đ yêu cầu tính lãi từ ngày 20/7/2016 (âm lịch) tức ngày 22/8/2016 (Dương lịch) đến nay tính tròn là 02 năm 11 tháng do đó lãi là $30.000.000đ \times 0,83 \times 35 \text{ tháng} = 8.715.000đ$.

Tổng cả gốc và lãi là 38.715.000đ.

Về trách nhiệm trả nợ: Anh P, chị T là vợ chồng kinh tế phát triển chung nên căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình anh P, chị T phải có trách nhiệm liên đới trả chị Đ.

Để đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Yêu cầu của chị Đ là có căn cứ nên không phải chịu án phí; anh P, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37, Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị T phải thanh toán cho chị Thân Thị Đ số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi là 8.715.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 38.715.000.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị T phải chịu 1.935.750đ

Chị Thân Thị Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả chị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000đ tại biên lai thu số AA/2014/0004331 ngày 21/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện